

TAND HUYỆN BÌNH SƠN
TỈNH QUẢNG NGÃI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11/4/2018

V/v: ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH SƠN, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Bùi Văn Tàn

2/ Bà Nguyễn Thị Tố Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Sơn tham gia phiên tòa:
 Ông Huỳnh Tấn Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2017/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2017 “Về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/3/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2018/QĐST-HNGĐ ngày 28/3/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị Minh P, sinh năm 1992;

Địa chỉ: thôn G, xã Bình T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: anh Huỳnh Minh S, sinh năm 1984;

Địa chỉ: thôn T, xã Bình Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08/9/2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, chị Nguyễn Thị Minh P (Nguyên đơn) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Giữa chị Nguyễn Thị Minh P và anh Huỳnh Minh S tự tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 26/9/2014. Sau ngày cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S không lo làm ăn, ham chơi, không có trách nhiệm đối với vợ con, thường xuyên uống rượu về hay gây gổ đánh đập chị P, khi hết say rượu thì anh có hứa hẹn sửa chữa không uống rượu nữa nhưng thực tế anh không thay đổi và cứ tiếp tục uống rượu say xỉn

chưởi bới, đánh đập chị. Do sống chung với anh S không được nên đầu năm 2017 âm lịch chị P bỏ về phía nhà cha mẹ đẻ của chị ở cho đến nay. Sau khi chị P sinh cháu Huỳnh Nguyễn Kỳ Y được 02 tháng thì anh S có đến thăm con, nhưng khi cháu Y được 03 tháng tuổi cho đến nay anh S không về thăm mẹ con chị nữa và anh S không chu cấp tiền bạc để chị P nuôi con.

Trong thời gian vợ chồng chị P và anh S xảy mâu thuẫn, mẹ anh S có khuyên bảo vợ chồng đoàn tụ để lo cho gia đình, chị P cũng cố gắng cho anh S cơ hội sửa chữa nhưng anh S không thay đổi được mà ngày càng lún sâu vào chuyện uống rượu, bia hay say xỉn, không chịu lao động để phụ giúp gia đình.

Nay chị P xét thấy tình cảm của vợ chồng không còn, mâu thuẫn xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh S để giải phóng cho đôi bên.

Về con chung: Trong thời gian sống chung vợ chồng sinh được một đứa con chung, đặt tên là Huỳnh Nguyễn Kỳ Y, sinh ngày 08/3/2017, hiện nay chị P đang nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị P yêu cầu xin được nhận nuôi cháu Y, chị yêu cầu anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 1.500.000đồng, tính từ ngày Tòa án xét xử vụ án cho đến khi cháu Y tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung: vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị không yêu cầu gì thêm./.

Tại bản tự khai ngày 20/12/2017 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Bình Sơn, anh Huỳnh Minh S (Bị đơn) trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung của vợ chồng chị P và anh S, anh S trình bày có nội dung thống nhất như lời trình bày nêu trên của chị P, anh không trình bày gì thêm.

Chị P xin ly hôn anh S, anh S không đồng ý ly hôn chị P, anh muốn vợ chồng đoàn tụ làm ăn nuôi con. Nếu Tòa án quyết định cho chị P được ly hôn anh S thì về con chung Tòa án quyết định sao thì anh đồng ý vậy.

Về tài sản chung: vợ chồng không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh không trình bày gì thêm.

Ý kiến của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng

quy định của pháp luật tố tụng dân sự, riêng bị đơn chấp hành không đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự

Việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đại diện Viện kiểm sát xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh S vi phạm nghiêm trọng Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, mục đích hôn nhân của chị P và anh S không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Minh P được ly hôn anh Huỳnh Minh S.

Về quan hệ con chung: xét thấy yêu cầu được nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị P là có cơ sở theo quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cháu Huỳnh Nguyễn Kỳ Y, sinh ngày 08/3/2017 cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng và buộc anh S phải cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng cụ thể do Hội đồng xét xử quyết định.

Kiến nghị: thời hạn xử lý đơn khởi kiện là còn chậm, vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 191 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên đề nghị Thẩm phán rút kinh nghiệm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: anh Huỳnh Minh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng anh cố tình vắng mặt không đến Tòa án, Tòa án đã thu thập đầy đủ chứng cứ và tiến hành tổng đạt các thủ tục tố tụng đầy đủ cho anh S theo đúng quy định của pháp luật nên Tòa án có cơ sở xét xử vắng mặt anh S là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện của chị P thì Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 “về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị Minh P và anh Huỳnh Minh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bình Đ, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 26/9/2014. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Minh P và anh Huỳnh Minh S là hôn nhân hợp pháp.

Trong thời gian chung sống, do hai bên sống không hợp nhau, anh S không lo tu chí làm ăn mà thường xuyên uống rượu say xỉn về la chửi và đánh đập chị P một cách vô cớ. Do sống chung với nhau không được nên vào đầu năm 2017 âm lịch chị P bỏ về phía cha mẹ đẻ của chị tại thôn G, xã Bình T, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi ở mãi đến nay. Trong thời gian chung sống tại xã Bình Đ, vợ chồng chị P, anh S đã xảy ra mâu thuẫn và được mẹ nuôi anh S (bà Đoàn Thị X) đứng ra khuyên bảo và tạo điều kiện về cơ sở vật chất (nơi ăn chốn ở) để vợ chồng đoàn tụ nhưng giữa hai bên vẫn không đoàn tụ được. Thời gian chị P sinh con tại nhà cha mẹ đẻ chị (nhà ông Nguyễn Tiến L và bà Phạm Thị H) thì được biết anh S thỉnh thoảng có về phía nhà vợ nhưng vẫn không có trách nhiệm gì với vợ

con mà chủ yếu là để hỏi tiền chị P để tiêu xài cho cá nhân, nếu chị P không có tiền để đáp ứng thì bị đánh đập. Qua diễn biến cuộc sống hôn nhân của chị P, anh S được hai bên gia đình cung cấp và Tòa cũng đã tạo thời gian để anh S có thay đổi, có trách nhiệm với vợ con nhưng kể từ lúc Tòa án thụ lý, giải quyết đến thời gian xét xử anh S vẫn không có thay đổi gì nên việc anh mong muốn Tòa tạo điều kiện cho vợ chồng anh đoàn tụ là những yêu cầu không có căn cứ. Xét thấy, tình cảm của chị P đối với anh S không còn, mâu thuẫn xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị P xin ly hôn anh S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P xin ly hôn anh S.

[4]. Về con chung: giữa chị P và anh S có một con chung là Huỳnh Nguyễn Kỳ Y, sinh ngày 08/3/2017. Theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên Tòa hôm nay chị P có nguyện vọng xin được nhận nuôi cháu Y, chị yêu cầu anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000đồng, tính từ tháng 04/2018 cho đến khi cháu Y tròn 18 tuổi. Xét về mọi mặt và quyền lợi của con chưa thành niên và để đảm bảo cuộc sống về mặt vật chất cũng như tinh thần cho cháu Y ổn định nên Hội đồng xét xử cần giao cháu Y cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và buộc anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Y hàng tháng là phù hợp với khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc chị P yêu cầu anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, với mức 1.500.000đồng/tháng là không cao so với mức thu nhập lao động phổ thông thực tế hiện nay nên buộc anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Y hàng tháng 1.500.000đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 4/2018 cho đến khi cháu Y tròn 18 tuổi là phù hợp.

[5]. Về tài sản chung, nợ chung: giữa chị P và anh S không có tài sản chung, không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng. Chị P và anh S không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, buộc chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

[7]. Đề nghị và kiến nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, 35, 147, 235, 241, 264 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Áp dụng Điều 56, 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận chị Nguyễn Thị Minh P được ly hôn anh Huỳnh Minh S.

2/ Về quan hệ con chung: Giữa chị P và anh S có một con chung Huỳnh Nguyễn Kỳ Y, sinh ngày 08/3/2017;

Giao cháu Huỳnh Nguyễn Kỳ Y, sinh ngày 08/3/2017 cho chị Nguyễn Thị Minh P tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: buộc anh Huỳnh Minh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con Huỳnh Nguyễn Kỳ Y, sinh ngày 08/3/2017 mỗi tháng 1.500.000 đồng (chị P đại diện cho cháu Y nhận), thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con được tính từ ngày 11/4/2018.

Anh S có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Khi cần thiết một trong hai bên; cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: hai bên đương sự không có tài sản chung và không có nợ chung nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí

- Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch (về ly hôn): 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chị Nguyễn Thị Minh P có nghĩa vụ nộp sung công quỹ Nhà nước nhưng chị P đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2014/0002339 ngày 10/10/2017 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi nên được khấu trừ xong.

- Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân và gia đình không có giá ngạch (về cấp dưỡng nuôi con): 300.000 đồng, anh Huỳnh Minh S có nghĩa vụ nộp sung công quỹ Nhà nước.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả; mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Bình Sơn;
- Chi cục THADS huyện Bình Sơn;
- UBND xã Bình Đ;
- Các bên đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quốc Phong